

暫時補償金申請書

ĐƠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG TẠM THỜI

原補審案號 Mã số hồ sơ xét duyệt ban đầu	年度補審字第 號 Hồ sơ xét duyệt hàng năm số _____	原申請日期 Ngày nộp đơn ban đầu			
申請人 Người nộp đơn	姓 名 Họ và tên	性 別 Giới tính	出 生 日 期 Ngày tháng năm sinh (Năm/tháng/ngày)	國 籍 Quốc tịch	國民身分證統一編號 (居留證號碼或護照號碼) Số chứng minh thư (Số thẻ cư trú hoặc số hộ chiếu)
	地 址 Địa chỉ			電 話 : ()- _____	職 業 Nghề nghiệp
	戶籍地址: Hộ khẩu thường trú:			Điện thoại:	
	通訊地址: Địa chỉ liên lạc: ☐ 同上 ☐ Như trên			行動電話: Số điện thoại di động:	
	與被害人之關係 Mối quan hệ với người bị hại	☐ 本人 (Bản thân) ☐ 父 母 ☐ 配 偶 ☐ 子 女 ☐ 祖 父 母 ☐ 孫 子 女 ☐ 兄 弟 姐 妹 Ba mẹ Vợ/chồng Con cái Ông bà Cháu Anh chị em (限遺屬補償金申請人勾選) (Chỉ dành cho người nộp đơn yêu cầu bồi thường cho nhân thân đánh dấu)			
代理人 Người đại diện	姓 名 Họ và tên	性 別 Giới tính	出 生 日 期 Ngày tháng năm sinh (Năm/tháng/ngày)	國 籍 Quốc tịch	國民身分證統一編號 (居留證號碼或護照號碼) Số chứng minh thư (Số thẻ cư trú hoặc mã số hộ chiếu)
	通 訊 地 址 Địa chỉ liên lạc			電 話 : ()- _____	職 業 Nghề nghiệp
				Điện thoại: 行動電話: Số điện thoại di động:	
☐ 依本法第 55 條第 1 項受委任代為申請者 (請檢附委任書)。 Người được ủy quyền đại diện để nộp đơn theo khoản 1, Điều 55 Luật Bảo vệ quyền và lợi ích cho nạn nhân của tội phạm (xin vui lòng đính kèm Giấy ủy quyền). ☐ 依本法第 55 條第 2 項代為申請者。 Người đại diện nộp đơn theo khoản 2, Điều 55 Luật Bảo vệ quyền và lợi ích cho nạn nhân của tội phạm.					

金額 Số Tiền	新臺幣 Tân Đài Tệ	元 (最高金額 40 萬元) (Mức cao nhất là 400.000 Tân Đài tệ)
理由 Lý do	☐ 因犯罪行為被害致本人或犯罪被害人之遺屬等有急迫經濟需要 Do hành vi phạm tội dẫn đến việc nạn nhân và thân nhân của nạn nhân có nhu cầu kinh tế cấp bách. ☐ 其他： Lý do khác :	
檢附文件 Tài liệu đính kèm	☐ 本申請書 Đơn yêu cầu bồi thường tạm thời 案件之證明文件： Tài liệu chứng minh: ☐ 受(處)理案件證明單、 ☐ 性侵害通報表 Phiếu chứng nhận thụ lý (xử lý) vụ án Bản trình báo về vụ án xâm phạm tình dục ☐ 其他，請說明： Các văn bản/ giấy tờ khác, xin vui lòng ghi chú rõ: ☐ 一般診斷證明書 或 ☐ 重大傷病證明 (非申請重傷補償金者，本項無須檢附) ☐ Giấy chứng nhận chuẩn đoán thông thường hoặc ☐ Chứng nhận thương tật (trường hợp không yêu cầu bồi thường thương tật, không cần đính kèm các văn bản/ giấy tờ liên quan). 其他文件(依情況提供)： Các văn bản đính kèm khác (cung cấp dựa theo tình huống cụ thể): ☐ 委任書(依本法第 55 條第 1 項委任代理人代為申請者) Giấy ủy quyền (người được ủy quyền đại diện để nộp đơn theo khoản 1, Điều 55 Luật Bảo vệ quyền và lợi ích cho nạn nhân của tội phạm). ☐ 監護宣告或輔助宣告之裁定資料 Thông tin quyết định về việc tuyên bố giám hộ hoặc tuyên bố hỗ trợ. ☐ 未成年人，其法定代理人資料及證明 Trường hợp người chưa thành niên, thông tin và chứng minh của người đại diện theo pháp luật của họ ☐ 其他可茲證明申請人有急迫需要之相關文件，請說明： Các văn bản/ giấy tờ khác có thể chứng minh người nộp đơn có nhu cầu khẩn cấp, vui lòng giải thích:	
給付方式 Phương thức thanh toán:	給付方式： Cách thức thanh toán: 1. 暫時補償決定作成後，由申請人受領，若有多位申請人，由其中一人代表受領。 Sau khi có quyết định bồi thường, Người nộp đơn sẽ nhận khoản bồi thường này. Nếu có nhiều người nộp đơn, cần chọn một người đại diện để nhận khoản tiền này. 2. 補償決定作成後，依各地檢署之程序通知請領。 Sau khi có quyết định bồi thường và thời hạn khiếu nại theo quy định đã kết thúc, người nộp đơn sẽ được thông báo nhận khoản bồi thường theo thủ tục từ Ủy ban đánh giá của cơ quan công tố địa phương. ※申請人因債務問題致帳戶有遭扣押之虞，可申請開立專戶，僅供存入補償金給付。 Nếu tài khoản của người nộp đơn có nguy cơ bị phong tỏa do vấn đề nợ nần, họ có thể yêu cầu mở một tài khoản riêng biệt chỉ để nhận tiền bồi thường.	
※您是否同意於審議會作成決定書後，將副本提供予犯保協會當地分會，俾提供您相關協助？ Ông/ bà có đồng ý sau khi Ủy ban đánh giá ra quyết định, chúng tôi sẽ cung cấp bản sao cho Hiệp hội Bảo vệ Nạn nhân tại chi nhánh địa phương để hỗ trợ ông/ bà không? ☐ 是 Có ☐ 否 Không		

此 致

Trân trọng

臺灣(福建) 地方檢察署犯罪被害人補償審議會

Ủy ban đánh giá bồi thường cho nạn nhân của Phòng Công tố địa phương - Đài Loan (Phúc Kiến)

申請人簽名或蓋章：_____

Người nộp đơn (ký tên hoặc đóng dấu):

代理人簽名或蓋章：_____

Người đại diện (ký tên hoặc đóng dấu):

中	華	民	國	年	月	日
Trung	Hoa	Dân	Quốc	Năm	Tháng	Ngày